

Số: 312/2022/QĐST-HNGĐ

T, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 296/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 9A, ấp 4, xã S, huyện T, tỉnh Đ,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Văn N: Ông Lê Đình Chính – Luật sư Công ty Luật TNHH 24H – Đoàn Luật sư Hà Nội.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: Đội 1, xã N, huyện T, tỉnh T;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn N và chị Lê Thị T.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Phạm Văn N và chị Lê Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Phạm Văn N và chị Lê Thị T có 03 (ba) con chung là: Phạm Văn Kiên, sinh ngày 09/3/2009.

Phạm Như Q, sinh ngày 02/4/2015.

Phạm Tuấn P, sinh ngày 01/01/2019.

Anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Văn Kiên và Phạm Như Q; Chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Tuấn P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Phạm Văn N và chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh Phạm Văn N và chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0014443 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh Phạm Văn N được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc Công